GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH THEO HƯỚNG TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ YẾN NAM*

TÓM TẮT

Bài viết đề cập đến thực trạng về tình hình tài chính và công tác quản lí tài chính của Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh đối với các hoạt động chi thường xuyên được giao tự chủ trong chu kì kinh phí ổn định ba năm gần đây (2008-2010). Từ đó đề ra những giải pháp cho việc cải tiến công tác quản lí tài chính cũng như góp phần đổi mới công tác quản lí của nhà trường trong thời gian tới.

***Từ khóa**:* quản lí tài chính; tự chủ, Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.

ABSTRACT

Some measures to upgrade the efficiency of the the financial tasks toward autonomy, accountability at Ho Chi Minh City University of Education

The article is about the financial status and management tasks of Ho Chi Minh City University of Education to autonomy of frequent activities of expenditure assigned by MOET in the three-year cycle of stable budget (2008 – 2010). Thereby, the author suggests some measures to improve the financial management tasks as well as contribute to the innovation of the university management in the future time.

Keywords: financial management, autonomy, Ho Chi Minh City University of Education.

1. Đặt vấn đề

Quản lí tài chính là một bộ phận cấu thành trong công tác quản lí nhà trường và gắn bó mật thiết với các lĩnh vực quản lí khác, như: quản lí đội ngũ, quản lí chương trình đào tạo, quản lí tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nó có chức năng đảm bảo cho các hoạt động của nhà trường được thực hiện theo đúng nhiệm vụ nhưng cũng chịu sự quy định bởi chính nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và quy mô, loại hình đào tạo. Đồng thời công tác quản lí tài chính còn bị tác động bởi cơ chế tài chính, nguồn kinh phí cùng các yếu tố khách quan khác. Trong một thời gian dài, công tác tài chính của nhà trường bị bó buộc trong cơ chế quản lí tập trung, phải tuân thủ nghiêm ngặt kế hoạch dự toán, việc điều tiết các khoản mục chi tiêu khó khăn, chỗ thừa, chỗ thiếu dẫn đến tình trạng vừa thiếu tiền vừa phải "chạy" kinh phí để không bị cắt giảm khi kết thúc năm tài chính.

Trong xu thế đổi mới đất nước, đổi mới quản lí tài chính công là một nội dung cơ bản trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010. Nghị định 10/2002/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 16-1-2002 đã đánh dấu sự chuyển biến tích cực

* ThS, Trưởng phòng KH - TC Trường ĐHSP TPHCM

trong việc tạo cơ chế tự chủ về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập được ban hành ngày 25-4-2006 thay thế Nghị định 10/2002/NĐ-CP. Mục tiêu đầu tiên là "***Trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị sự nghiệp trong việc tổ chức công việc, sắp xếp lại bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp dịch vụ với chất lượng cao cho xã hội; tăng nguồn thu nhằm từng bước giải quyết thu nhập cho người lao động***" đã mở rộng hơn việc giao quyền tự chủ đồng thời cũng đòi hỏi trách nhiệm cao hơn từ các nhà quản lí.

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM) là đơn vị sự nghiệp được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao quyền tự chủ tài chính từ năm 2002. Trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ quy định cụ thể các định mức chi tiêu nhằm đảm bảo việc sử dụng các nguồn tài chính công khai, minh bạch. Với một số đơn vị trực thuộc, Trường đã khoán kinh phí hoạt động nhằm tạo sự chủ động trong hoạt động tạo nguồn thu, trong sử dụng nguồn kinh phí và được phân phối phần kinh phí tiết kiệm.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, vẫn còn những vấn đề bất cập, mối liên hệ giữa việc phân bổ, cung cấp nguồn tài chính với các mặt hoạt động của nhà trường có phần chưa được xem xét đầy đủ. Do đó, chúng tôi nghiên cứu, phân tích thực trạng về tình hình tài chính và công tác quản lí tài chính của trường đối với các hoạt động chi thường xuyên được giao tự chủ trong chu kì kinh phí ổn định ba năm gần đây (2008-2010) để đề ra những giải pháp cho việc cải tiến công tác quản lí tài chính, góp phần đổi mới công tác quản lí của nhà trường theo chương trình hành động đổi mới công tác quản lí giáo dục đại học.

2. Thực trạng về công tác tài chính giai đoạn 2008 - 2010

2.1. Về nguồn thu

Là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động, Trường ĐHSP TPHCM được giao dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công về đào tạo giáo viên và nghiên cứu khoa học theo chức năng nhiệm vụ được giao. Nguồn tài chính cho chi thường xuyên của trường bao gồm (xem bảng 1):

- Kinh phí do NSNN cấp;
- Học phí các loại hình đào tạo, lệ phí tuyển sinh;
- Các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp của đơn vị như khai thác cơ sở vật chất và các nguồn lực khác để cung cấp các dịch vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ của nhà trường;
- Các khoản đóng góp của các tổ chức và cá nhân;
- Các khoản thu hợp pháp khác.

Bảng 1. Tổng hợp một số nguồn thu chính của trường

Chỉ tiêu	**2008**	**2009**	**2010**
Dự toán ngân sách giao chi thường xuyên	44,804	56,370	68,356
Nguồn thu học phí	49,041	44,874	54,165
Học phí chính quy (PTTH, đại học, sau đại học)	7,122	5,584	9,517
Học phí hệ vừa làm vừa học	41,919	39,290	44,648
Các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn	4,483	7,216	8,565
Cộng	**98,328**	**108,460**	**131,086**

[Nguồn: Báo cáo tài chính 2008, 2009, 2010 của Trường ĐHSP TPHCM]

Kinh phí dự toán ngân sách giao cho chi thường xuyên tăng hơn 20% đã bao gồm kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và cấp bù học phí cho sinh viên ngành sư phạm khi nhà nước điều chỉnh tăng học phí. Bên cạnh đó, nhà trường đã chủ động xây dựng được một số chương trình ngắn hạn phục vụ công tác bồi dưỡng giáo viên cho các địa phương.

Trường có tỉ lệ nguồn kinh phí dự toán ngân sách và nguồn thu học phí trên tổng nguồn thu như ở bảng 2:

Bảng 2. Tỉ lệ nguồn thu ngân sách và thu sự nghiệp (2008 - 2010)

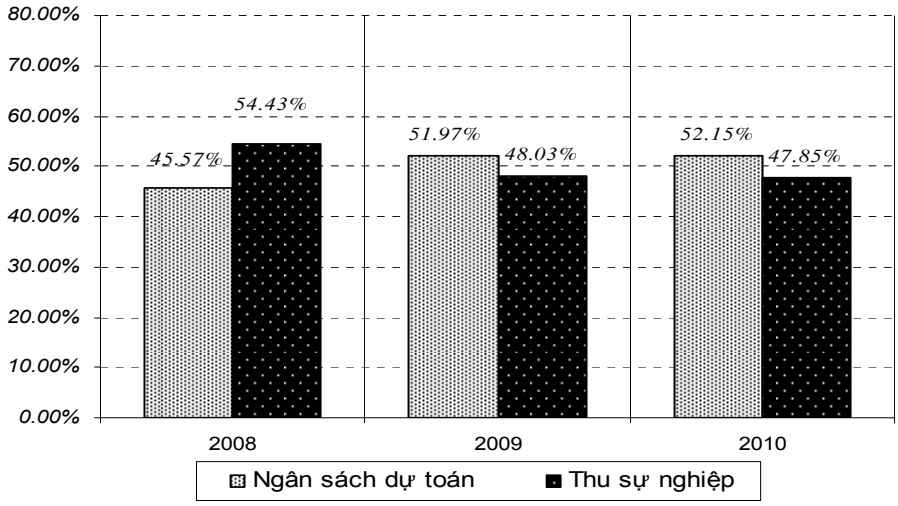

Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ của trường chủ yếu là hoạt động của các trung tâm phục vụ cộng đồng như Trung tâm Ngoại ngữ, Trung tâm Tin học, Trung tâm bồi dưỡng văn hóa và luyện thi đại học thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Tổng số thu hoạt động dịch vụ (2008-2010)

Chỉ tiêu	2008	2009	2010
Hoạt động dạy ngoại ngữ tin học bồi dưỡng văn hóa	75.771	71.313	62.230
Thu các dịch vụ khai thác mặt bằng	3.029	2.417	1.926
Cộng	**78.800**	**73.730**	**64.156**

[Nguồn: Báo cáo nguồn thu hoạt động dịch vụ của Phòng Kế hoạch – Tài chính Trường ĐHSP TPHCM]

Nguồn thu dịch vụ từ các trung tâm của trường đã đóng góp tỉ lệ bình quân khoảng 19,5% tổng số thu, đã giúp tăng thu nhập bình quân hàng tháng và phúc lợi cho cán bộ viên chức, song đang có chiều hướng sụt giảm.

2.2. Về tình hình sử dụng kinh phí

Bảng 4. Một số chỉ tiêu về tình hình sử dụng các nguồn kinh phíchi thường xuyên

Chỉ tiêu	Ngân sách			Nguồn khác		
	2008	2009	2010	2008	2009	2010
Chi cho người lao động	31,615	35,412	40,131	32,471	41,148	40,043
Chi nghiệp vụ chuyên môn	11,108	16,527	18,540	30,627	20,876	27,641
Mua sắm sữa chữa trang thiết bị	2,318	4,304	8,458	1,608	1,508	3,067
Chi khác			676	2,916	2,094	2,253
Cộng	**45,041**	**56,243**	**67,805**	**67,622**	**65,626**	**73,004**

[Nguồn: Báo cáo tài chính 2008, 2009, 2010 của Trường ĐHSP TPHCM]

Trong biểu số liệu chi tiêu trên không bao gồm số liệu chi các hoạt động dịch vụ, số chi cho người lao động bình quân chiếm khoảng 60% (năm 2008: 56,88%; năm 2009: 62,82%, năm 2010: 56,94%).

Nếu so sánh với tỉ lệ tăng lương tối thiểu theo chính sách cải cách tiền lương của nhà nước thì trường chỉ đảm bảo tăng tương ứng quỹ lương cơ bản. Các khoản thu nhập tăng thêm từ nguồn thu sự nghiệp của trường tăng không đáng kể.

2.3. Về công tác quản lí tài chính

2.3.1. Cơ cấu quản lí

Hiện nay, công tác quản lí tài chính của trường đang kết hợp nhiều mô hình do tính đa dạng về cơ cấu tổ chức và nguồn thu.

Các đơn vị đủ điều kiện hạch toán độc lập được trường giao quyền tự chủ gồm có Viện Nghiên cứu Giáo dục, Trung tâm Giáo dục trẻ khuyết tật Thuận An, Nhà xuất bản ĐHSP TPHCM. Trong đó, Viện Nghiên cứu Giáo dục, Trung

tâm Giáo dục trẻ khuyết tật Thuận An là các đơn vị sự nghiệp có thụ hưởng ngân sách nhà nước. Nhà xuất bản được trường giao vốn kinh doanh và hỗ trợ một phần quỹ tiền lương và thu nhập của cán bộ viên chức. Các đơn vị này có tổ chức bộ máy kế toán riêng thực hiện chức năng quản lí tài chính của đơn vị theo hướng tự chủ. Trường ra quyết định giao dự toán, kinh phí hoạt động và kiểm tra xét duyệt quyết toán hàng năm.

Đối với các trung tâm, khoa, phòng ban trực thuộc, trường thực hiện quản lí tài chính tập trung về mặt chứng từ thu chi của tất cả các hoạt động. Vận dụng cơ chế tự chủ, một số loại hình hoạt động được thực hiện theo chế độ giao khoán định mức kinh phí hoạt động, phân cấp trách nhiệm trong xây dựng định mức chi tiêu. Các phương thức quản lí theo loại hình đào tạo và tính chất nguồn thu được phân loại như sau:

- Nguồn học phí đào tạo chính quy được bổ sung nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên, quản lí tập trung như kinh phí dự toán;
- Nguồn học phí đào tạo không chính quy: Trường quản lí tập trung nhưng có phân cấp cho các khoa chủ động trong việc sử dụng tỉ lệ kinh phí dành cho giảng dạy và hoạt động chuyên môn;
- Nguồn học phí các chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và các dịch vụ đào tạo của các trung tâm được vận dụng cơ chế khoán định mức chi cho các đơn vị tổ chức hoạt động, việc hạch toán vẫn được tập trung tại trường.

2.3.2. Công tác tạo nguồn thu

Đối với nguồn kinh phí từ ngân sách, trường lập dự toán theo hướng dẫn hàng năm của Bộ chủ quản. Đây là nguồn tài chính cơ bản để thực hiện nhiệm vụ của phần lớn các trường đại học công lập.

Về học phí, trường căn cứ các quy định của nhà nước để xây dựng khung học phí cho các hệ đào tạo chính quy và phi chính quy. Kinh phí tổ chức các lớp đào tạo tại địa phương được thực hiện thông qua các hợp đồng đào tạo.

Trên cơ sở các định hướng phát triển của trường và nhu cầu xã hội, các khoản thu từ dịch vụ đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ do các phòng ban chức năng phối hợp với các đơn vị đào tạo xây dựng kế hoạch, chương trình bồi dưỡng và dự toán kinh phí cụ thể. Mức thu được xác định theo nguyên tắc đảm bảo chi phí và có tích lũy.

2.3.3. Phân bổ nguồn lực

Căn cứ nguồn kinh phí ngân sách được giao, một phần kinh phí hoạt động chuyên môn thường xuyên được phân bổ cho các khoa để thực hiện các nhiệm vụ thuộc chương trình đào tạo. Khoa chủ động lập kế hoạch sử dụng số kinh phí được giao cho các hoạt động và dự trù kinh phí theo định mức trong quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Mức độ, hiệu quả sử dụng phần kinh phí này phụ thuộc vào sự quan tâm của cán bộ quản lí các đơn vị.

Đối với học phí phi chính quy, các khoa được phép điều tiết mức chi giảng dạy theo biên độ cho phép quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ và chi cho các hoạt động hỗ trợ chuyên môn. Kinh phí

tích lũy được sau khi thực hiện nhiệm vụ, được phép chi phúc lợi và thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức trong đơn vị.

Trong hoạt động dịch vụ, việc xác định mức khoán chi cho đơn vị trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng, trường đã giao quyền tự quyết toàn bộ hoặc một phần việc chi tiêu cho cơ sở. Các trung tâm, đơn vị được chủ động xây dựng các định mức chi tiêu phù hợp để đảm bảo hoạt động hiệu quả.

Trường chi tiêu cho các bộ phận quản lí chung và chi phí thường xuyên như thanh toán dịch vụ công cộng, sửa chữa mua sắm trang thiết bị… Tuy vậy, quy trình và các tiêu chí để thực hiện phân bổ trong một thời gian dài chưa được xem xét và điều chỉnh cho phù hợp.

2.4. Đánh giá chung

2.4.1. Những mặt đạt được

- Quyền tự chủ tài chính cho phép trường xây dựng các định mức chi cần thiết cho việc thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi các nguồn tài chính cho phép.
- Tạo được sự chủ động cho các đơn vị trực thuộc trong triển khai hoạt động thường xuyên được nhà trường giao.
- Cải thiện một phần thu nhập cho cán bộ viên chức qua việc tham gia các hoạt động phi chính quy và chính sách về thu nhập tăng thêm của trường.
- Hoạt động tài chính ngày càng trở nên công khai, minh bạch về chế độ chính sách, các nội dung chi, mức chi.
- Tổ chức một số đơn vị trực thuộc theo mô hình đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi phí hoạt động.

2.4.2. Những mặt còn hạn chế

❖ **Về tạo nguồn tài chính**

- Ngoài việc lập dự toán hàng năm nguồn kinh phí chi thường xuyên, trường chưa có sự chuẩn bị cần thiết về các chương trình, dự án nên ít tranh thủ được kinh phí đầu tư của nhà nước cho cơ sở vật chất từ các chương trình mục tiêu quốc gia. Nếu có nguồn kinh phí này, phần chi phí tăng cường cơ sở vật chất từ kinh phí thường xuyên có thể điều tiết cho các nhiệm vụ chuyên môn khác.
- Việc khai thác các nguồn lực để tổ chức hoạt động sư nghiệp, tạo nguồn thu chính đáng cho Trường còn trong chừng mực khiêm tốn, một số nguồn thu giảm sút.
- Công tác nghiên cứu, tìm hiểu nhu cầu xã hội, cơ hội hợp tác quốc tế chưa được đặt ra đúng mức, thiếu kế hoạch chiến lược định hướng khai thác nguồn thu.
- Chính sách quảng bá, tự giới thiệu, của trường còn hạn chế.
- Các cơ sở dạy ngoại ngữ, tin học ngoài công lập phát triển đa dạng, phương thức tuyển sinh đại học thay đổi… tạo môi trường cạnh tranh phức tạp, trong khi đó các chương trình bồi dưỡng của trường chậm cập nhật, cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu, phương thức quản lí và mô hình tổ chức chậm thích ứng với điều kiện, hoàn cảnh thay đổi.

❖ **Về phân bổ nguồn lực**

- Các căn cứ, tiêu chí phân bổ nguồn lực chưa rõ ràng cho từng loại hình hoạt động.

- Biện pháp khuyến khích người lao động theo nguyên tắc "người nào có hiệu suất công tác cao, đóng góp nhiều cho việc tăng thu, tiết kiệm chi được trả nhiều hơn" chưa được quy định và hướng dẫn cụ thể.
- Chính sách bình quân về thu nhập kéo dài do tâm lí ngại thay đổi, ít chú ý đến những nội dung gắn với trách nhiệm và nghĩa vụ trong thực thi nhiệm vụ.

❖ **Về sử dụng các nguồn tài chính**

- Việc phân bổ nguồn lực tài chính theo tỉ lệ chung thể hiện sự thiếu linh hoạt, dẫn đến khó khăn khi cần điều tiết sử dụng kinh phí hoạt động chung.
- Việc ít quan tâm về các quy định, nguyên tắc tài chính của cán bộ quản lí là một trở ngại trong sử dụng kinh phí: không đảm bảo tuân thủ về chế độ, thủ tục biểu mẫu, thời gian thanh quyết toán…
- Tình trạng chênh lệch về mức chi cho cùng một nội dung công việc phải thực hiện giữa các đơn vị trong trường gây khó khăn cho công tác điều hành, quản lí chung.
- Công tác điều hành sử dụng tài chính ở một số đơn vị thiếu sự thống nhất, công khai làm nảy sinh những thắc mắc, tác động không tốt đến môi trường làm việc của đơn vị.

❖ **Việc kiểm tra đánh giá**

- Khâu đánh giá hiệu quả một số hoạt động đào tạo kể cả hiệu quả về mặt tài chính nhằm rút kinh nghiệm về công tác tổ chức và phân phối nguồn tài chính chưa được tiến hành thường xuyên.
- Thiếu cơ chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ về các quy trình phối hợp công tác, hiệu quả của các hoạt động, tính hợp lí trong phân bổ và sử dụng nguồn kinh phí.

Quản lí tài chính là một công cụ quản lí quan trọng, chi phối toàn bộ hoạt động của nhà trường, có mối liên hệ biện chứng và chịu sự quy định của nhiệm vụ, bộ máy tổ chức, cơ chế tài chính và hệ thống các quy định của nhà nước. Một chu kì hoạt động tài chính phải đảm bảo các thành tố của quy trình quản lí chung.

Nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế, bất cập trong công tác quản lí tài chính là chưa phát huy đầy đủ quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, xuất phát từ sự phối hợp chưa nhịp nhàng, thiếu đồng bộ trong công tác quản lí chuyên môn, quản lí lao động, cơ cấu tổ chức bộ máy… Do vậy, để nguồn tài chính thực sự góp phần mang lại hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường cần thực hiện các giải pháp đổi mới toàn diện, đồng bộ, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trên tất cả các lĩnh vực quản lí.

3. Đề xuất các nhóm giải pháp

3.1. Nhóm giải pháp về thực hiện nhiệm vụ

Cụ thể hóa các định hướng phát triển nhà trường bằng các tuyên bố rõ ràng về nhiệm vụ và năng lực của trường về:

Thực hiện cung cấp dịch vụ công về đào tạo giáo viên và nguồn nhân lực;

Tổ chức hoạt động sự nghiệp trong phạm vi chức năng nhiệm vụ về đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế;

Cung cấp các dịch vụ theo hướng xã hội hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Xác định cơ cấu, tính chất nguồn thu từ các nhiệm vụ cụ thể được tuyên bố, phương thức quản lí tài chính và phân bổ nguồn lực cho từng loại nhiệm vụ, hoạt động của nhà trường.

Sắp xếp mức độ ưu tiên của các nhiệm vụ để có chính sách đầu tư tài chính đúng mức, hợp lí.

Xây dựng quy trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ, giảm thiểu các thủ tục rườm rà, chồng chéo về chức năng, phân phối nguồn tài chính hợp lí cho từng bộ phận song phải đảm bảo có kiểm tra đánh giá hiệu quả.

3.2. Nhóm giải pháp về tổ chức bộ máy

Hoạch định có mục tiêu về bộ máy tổ chức của nhà trường theo hướng tinh gọn, hiệu quả để xây dựng phương án trả lương phù hợp. Trong đó cần:

- Xây dựng phương án tối ưu hóa nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ quản lí hiện đại ở các đơn vị quản lí hành chính, phục vụ nhằm tiết kiệm biên chế và chi phí thường xuyên.
- Xác định tỉ lệ giảng viên cơ hữu – thỉnh giảng hợp lí trên cơ sở nhiệm vụ, quy mô đào tạo, nghiên cứu, lập kế hoạch giảng dạy, mời giảng hàng năm để có cơ sở lập dự toán kinh phí, chi trả thù lao thỏa đáng. Tránh tình trạng mất cân đối hoặc bất hợp lí về thu nhập.

Nghiên cứu, xem xét quy hoạch tổng thể bộ máy của nhà trường để thành lập mới, tách, nhập hay giải thể cho phù hợp với nhiệm vụ trong giai đoạn chuyển đổi sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Bên cạnh đó, thực hiện phân loại mô hình các đơn vị sự nghiệp trực thuộc trong tổ chức bộ máy theo Nghị định 43 để thực hiện phân cấp quản lí về tài chính cho phù hợp.

3.3. Nhóm giải pháp về đội ngũ, biên chế

Xây dựng các tiêu chí định biên cho từng đơn vị dựa trên các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhiệm vụ và tình hình thực tế của đơn vị.

Mạnh dạn thí điểm thực hiện cơ chế khoán quỹ lương cho các đơn vị có điều kiện, khả năng điều hành sau khi xác định được chỉ tiêu biên chế để thực hiện mục tiêu khuyến khích, nâng cao hiệu quả lao động.

Xây dựng kế hoạch, vận dụng nhiều biện pháp kết hợp để nâng cao chất lượng đội ngũ, năng suất và hiệu quả công việc: bồi dưỡng, đào tạo lại, điều chuyển vị trí công tác, tinh giản biên chế, hợp đồng theo công việc, nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính.

3.4. Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực quản lí tài chính

Huy động nguồn lực tài chính:

- Tổ chức nghiên cứu đánh giá thực trạng, khả năng, vị thế của nhà trường trong giai đoạn hiện tại; tìm hiểu nhu cầu của các đơn vị, các địa phương về nâng cao dân trí, đào tạo và bồi dưỡng nhân lực để cải tiến các loại hình đào tạo, dịch vụ hiện có, thiết kế các dịch vụ mới dựa trên cơ sở xác định nhu cầu và thị trường "tiềm năng" để đề ra chiến lược tạo nguồn thu hợp pháp.

- Khai thác tối đa các khả năng thụ hưởng nguồn tài chính từ NSNN bằng các kế hoạch, dự án theo mục tiêu phát triển nhà trường; do đó cần chú ý bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có khả năng xây dựng các chương trình, dự án, đề án.

- Có chính sách khuyến khích các đơn vị, cá nhân năng động trong việc tạo nguồn thu, khai thác cơ sở vật chất để tổ chức các hoạt động liên doanh, liên kết nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp.

- Lập phương án quảng bá, giới thiệu năng lực hoạt động của trường với xã hội.

Phân bổ nguồn tài chính:

- Xây dựng các tiêu chí phân bổ nguồn lực tài chính dựa trên các tham số của quá trình đào tạo, cung ứng dịch vụ, như: quy mô sinh viên, nội dung chương trình đào tạo, mức độ liên đới trách nhiệm của các bộ phận…

- Thực hiện phân cấp quản lí và giao quyền tự chủ cho các đơn vị. Cơ chế tài chính cần linh hoạt hơn, tùy theo từng loại hình hoạt động, đồng thời có các biện pháp quản lí phù hợp.

Về công tác kiểm tra đánh giá:

- Tham khảo các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kiểm định chất lượng trường đại học để đưa ra chuẩn đánh giá về công tác quản lí trong nội bộ các khoa, phòng ban trực thuộc trường.

- Xây dựng quy định về cơ chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quy trình triển khai để các đơn vị tự tiến hành kiểm tra nội bộ và chịu sự kiểm soát của nhà trường.

4. Kết luận

Đổi mới cơ chế quản lí tài chính là một bộ phận không thể tách rời quá trình đổi mới công tác quản lí nói chung, nó sẽ trở thành đòn bẩy cho sự đảm bảo chất lượng đào tạo và phát triển của nhà trường khi có điểm tựa là sự đồng bộ trong quan điểm và xây dựng chính sách về tổ chức bộ máy, xác định nguồn nhân lực để thực hiện các nhiệm vụ. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, nhà trường cần có các giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, có hệ thống quản lí chặt chẽ, phù hợp với các quy định của Nhà nước; công tác lập kế hoạch tài chính được chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và theo đúng quy định; thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính hợp lí, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Đề án Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục giai đoạn 2009-2014*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Đổi mới quản lí hệ thống giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
3. Chính phủ (2001), *Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010.*
4. Chính phủ (2002), *Nghị định 10/2002/NĐ-CP ngày 16-01-2002 về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu.*

5. Chính phủ (2005), *Nghị quyết 14/2005/NQ-CP về đổi mới cơ bản và toàn diện GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006-2020*.
6. Chính phủ (2006), *Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25-4-2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.*
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb Chính trị Quốc gia.
8. Hauptman (2006), "Tài chính cho giáo dục đại học, xu hướng và vấn đề", *Kỉ yếu Hội thảo lần thứ 2 về giáo dục so sánh* "*Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa*" tháng 5-2008, Viện Nghiên cứu giáo dục, Trường ĐHSP TPHCM. Phạm Thị Ly dịch từ "Higher Education Finance: Trends and Issues", International Handbook of Higher Education, Springer 2006.
9. Lâm Quang Thiệp (2008), *Xu hướng đại chúng hóa giáo dục đại học và sự thay đổi một số quan niệm và chính sách trên thế giới và ở Việt Nam*, *Kỉ yếu Hội thảo lần thứ 2 về giáo dục so sánh* "*Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa*" tháng 5-2008, Viện Nghiên cứu giáo dục, Trường ĐHSP TPHCM.
10. Lê Ngọc Đức (2009), "Vấn đề tự chủ - tự chịu trách nhiệm của các trường đại học, cao đẳng Việt Nam", *Kỉ yếu Hội thảo khoa học*, Ban liên lạc các trường đại học và cao đẳng Việt Nam tổ chức, tháng 10-2009.
11. Lê Văn Hảo (2008), "Những xu thế chung của giáo dục đại học và các mô hình phát triển tài chính đại học", *Kỉ yếu Hội thảo lần thứ 2 về giáo dục so sánh* "Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa" tháng 5-2008, Viện Nghiên cứu giáo dục, Trường ĐHSP TPHCM.
12. Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh (2008), *Quy chế chi tiêu nội bộ*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài:08-9-2011; ngày chấp nhận đăng: 30-9-2011)